

Đặc điểm đầu tư các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam và một số gợi ý chính sách

Nguyễn Thanh Thảo

Doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò quan trọng trong giải quyết việc làm và đóng góp vào tổng sản phẩm quốc gia. Tuy nhiên, để phát huy được đầy đủ vai trò của nó và đồng thời giúp ta đưa ra được những khuyến nghị hợp lý, thì hiểu rõ đặc điểm của loại hình doanh nghiệp này trong đó có đặc điểm về đầu tư và tiếp cận tín dụng, đây là yêu cầu khách quan và hết sức cần thiết.

Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam

Định nghĩa về doanh nghiệp nhỏ và vừa được quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ - CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa như sau: Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là cơ sở kinh doanh đã được đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ và vừa theo quy mô tổng nguồn vốn hoặc số lao động bình quân năm. Cụ thể:

- Doanh nghiệp siêu nhỏ: Tổng số lao động từ 10 người trở xuống.

- Doanh nghiệp nhỏ: Tổng nguồn vốn từ 20 tỷ đồng trở xuống hoặc có tổng số lao động từ trên 10 người đến 200 người (lĩnh vực thương mại dịch vụ vốn từ 10 tỷ đồng trở xuống hoặc có số lao động từ 10 người đến 50 người).

- Doanh nghiệp vừa: Tổng nguồn vốn từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng hoặc có tổng số lao động từ 20 người đến 300 người (lĩnh vực thương mại dịch vụ thì có vốn từ 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng hoặc tổng lao động từ 50 người đến 100 người).

Ở Việt Nam 90% số doanh nghiệp là doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), là lực lượng sản xuất hàng hóa và dịch vụ quan trọng, đóng góp khoảng 40% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cho nền kinh tế, 31% giá trị sản xuất công nghiệp, 78% tổng mức bán lẻ của ngành thương mại, 64% khối lượng vận chuyển hành khách và hàng hóa, mỗi năm tạo thêm được nửa triệu chỗ việc làm mới, giải quyết cho 51% lực lượng lao động toàn xã hội.

Một số đặc điểm về đầu tư và tiếp cận tài chính của các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam thời gian qua

Nói chung, hàng rào cản trở lớn nhất đối với phát triển của các DNNVV tại Việt Nam là vấn đề đầu tư và tiếp cận với tín dụng. Vì vậy, theo chúng tôi đối với vấn đề đầu tư của các DNNVV của nước ta có thể được kể đến một số đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, tỷ lệ đầu tư thấp.

Kết quả khảo sát điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam năm 2013 theo các tiêu thức: quy mô doanh nghiệp, cơ cấu pháp lý và không gian. Năm 2011 có 56,2% doanh nghiệp có thực hiện đầu tư, năm 2013 tỷ lệ này giảm xuống còn 47%. Nếu xem xét về quy mô: có 49,8% doanh nghiệp siêu nhỏ và 50,5% doanh nghiệp hộ gia đình đầu tư năm 2011 thì năm 2013 đã giảm 10%. Tỷ lệ các doanh nghiệp phi hộ gia đình thực hiện đầu tư lớn hơn doanh nghiệp hộ gia đình. Đánh giá theo không gian, các doanh nghiệp ở nông thôn và miền Bắc thường xuyên đầu tư

lớn hơn các doanh nghiệp ở thành thị và miền Nam. 2009 - 2011, đầu tư từ lợi nhuận để lại chiếm tỷ trọng lớn và lên

đỉnh có tỷ lệ đầu tư chủ yếu từ nguồn tự có và vay không chính thức; trong khi các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp phi hộ gia đình nguồn tài trợ chính cho đầu tư lại phụ thuộc chủ yếu vào vay tín dụng chính thức. Nếu xét theo không gian thì doanh nghiệp ở khu vực thành thị và miền Nam đầu tư chủ yếu bằng nguồn vay tín dụng chính thức.

Bảng 1: Đầu tư mới của DNNVV của Việt Nam năm 2011 và 2013

	Năm 2011		Năm 2013	
	Số quan sát	Tỷ lệ	Số quan sát	Tỷ lệ
Tổng số	2.416	0,562	2.461	0,470
Siêu nhỏ	1.658	0,498	1.763	0,395
Nhỏ	613	0,674	566	0,629
Vừa	145	0,821	132	0,788
Doanh nghiệp hộ gia đình	1.569	0,505	1.553	0,405
Doanh nghiệp phi hộ gia đình	847	0,666	908	0,582
Thành thị	1.035	0,529	1.062	0,373
Nông thôn	1.381	0,587	1.399	0,544
Miền Nam	1.014	0,454	1.059	0,410
Miền Bắc	1.402	0,640	1.402	0,516

Nguồn: Kết quả điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2013, NXBTC 10/2014

Thứ hai, đa phần các doanh nghiệp có chiến lược đầu tư dài hạn.

Theo nghiên cứu tình hình đầu tư của các DNNVV Việt Nam; có gần 60% doanh nghiệp có đầu tư mới trong cả hai năm 2011 và 2013. Chênh lệch về số lượng các doanh nghiệp có đầu tư và không đầu tư trong cả hai năm là không lớn: 675/587. Gần 30% doanh nghiệp không đầu tư trong năm 2011 nhưng lại có đầu tư năm 2013, giảm 10% so với báo cáo điều tra năm 2012.

Thứ ba, nguồn tài trợ chủ yếu vẫn là vốn tự có và vay ngân hàng

Do lãi suất bình quân hàng tháng từ ngân hàng giảm từ 1,7% trong năm 2011 xuống 1,2% năm 2013 và xu hướng giảm từ từ cho đến nay. Vì vậy, tỷ lệ đầu tư từ nguồn tín dụng vay ngân hàng và các khoản tín dụng chính thức khác tăng từ 45% lên 52%. Trong giai đoạn

đến 46%. Tỷ lệ đầu tư từ nguồn phi chính thức là không cao, năm 2011 chiếm 8%, năm 2013 tăng lên 14%. Nhìn chung, tài trợ đầu tư chính cho nhu cầu tín dụng của DNNVV thời gian qua vẫn chủ yếu dựa vào nguồn tự có và các nguồn vay tín dụng chính thức. Số liệu minh chứng được thể hiện qua bảng điều tra chọn mẫu sau:

Bảng 2: Nguồn tài chính đầu tư theo quy mô và không gian

	Đầu tư từ lợi nhuận (%)	Vay tín dụng chính thức (%)	Vay không chính thức (%)
Tổng số	34,5	51,8	13,7
Siêu nhỏ	38,8	44,5	16,7
Nhỏ	28,3	61,3	10,4
Vừa	26,7	69,0	4,3
DN hộ gia đình	41,0	43,5	15,5
DN phi hộ gia đình	26,8	61,8	11,4
Thành thị	30,8	50,3	18,9
Nông thôn	36,4	52,6	11,0
Miền Nam	31,9	53,8	14,3
Miền Bắc	36,1	50,7	13,2

Nguồn: Đặc điểm môi trường kinh doanh ở VN, Kết quả điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2013, NXBTC tháng 10/2014

Theo bảng 2, doanh nghiệp siêu nhỏ và doanh nghiệp hộ gia

Thứ năm, nhìn chung là tiếp cận tín dụng giảm

Theo Viện nghiên cứu và quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) (2014), nguyên nhân chính dẫn đến việc tiếp cận vốn vay ngân hàng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn do 4 nguyên nhân chính: Thủ tục, cán bộ ngân hàng, tài sản thế chấp và quy định của Chính phủ được thống kê lần lượt là: 38,84%, 38,78%, 30,61% và 22,31%. Theo số liệu bảng 3, tình hình tiếp cận tín dụng theo quy mô xấu hơn đối với các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, nhưng có xu hướng tăng lên đối với doanh nghiệp vừa. Các doanh nghiệp hộ gia đình và doanh nghiệp khu vực thành thị có mức tiếp cận tín dụng thấp hơn so với doanh nghiệp phi gia đình và doanh nghiệp nông thôn hai lần. Phạm vi không gian, doanh nghiệp giữa hai miền Nam Bắc, đang có xu hướng thu hẹp lại.

Bảng 3: Tiếp cận tín dụng theo quy mô và không gian doanh nghiệp

	Năm 2011		Năm 2013	
	Số quan sát	Tỷ lệ	Số quan sát	Tỷ lệ
Tổng số	2.418	0,294	2.461	0,259
Siêu nhỏ	1.660	0,217	1.763	0,184
Nhỏ	613	0,426	566	0,636
Vừa	145	0,621	132	0,788
Doanh nghiệp hộ gia đình	1.570	0,231	1.553	0,183
Doanh nghiệp phi hộ gia đình	847	0,412	908	0,390
Thành thị	1.036	0,237	1.062	0,185
Nông thôn	1.382	0,337	1.399	0,316
Miền Nam	1.015	0,240	1.059	0,233
Miền Bắc	1.402	0,333	1.402	0,280

Nguồn: Đặc điểm môi trường kinh doanh ở VN, kết quả điều tra DNNVV năm 2013

Một số gợi ý chính sách

Theo chúng tôi đề tăng

cường tiếp cận tín dụng nâng cao khả năng đầu tư của các DNNVV, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp chính sách sau:

Thứ nhất, đối với Chính phủ

Chính phủ là cơ quan quan trọng hỗ trợ quá trình phát triển cộng đồng DNNVV nói chung và tạo điều kiện cho đầu tư và tiếp cận tín dụng nói riêng. Vì vậy, Chính phủ cần thực hiện một số giải pháp chính sách sau:

- Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ đầu tư và tiếp cận vốn cho DNNVV.
- Hoàn thiện và phát triển hệ thống bảo lãnh tín dụng một cách linh hoạt và hiệu quả.
- Xem xét và học tập kinh nghiệm của một số nước như Hàn Quốc, Thái Lan... về mô hình bảo lãnh tín dụng của Chính phủ một cách phù hợp.

- Có cơ chế chính sách hợp lý phù hợp cho các tổ chức tín dụng hỗ trợ đầu tư phát triển đổi

mới và sáng tạo cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ hai, đối với các đơn vị cung cấp và hỗ trợ đầu tư

Thông qua hệ thống ngân hàng thương mại, tổ chức các quỹ tín dụng, quỹ bảo lãnh tín dụng nhằm giúp các DNNVV nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển, Việt Nam cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Thực hiện cải cách các quy trình, thủ tục hành chính một cách sâu rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho các DNNVV thực hiện tốt đầu tư phát triển sản xuất.
- Có chính sách đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, nhằm thực hiện tốt yêu cầu của các DNNVV đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Tạo ra các loại hình đầu tư và hỗ trợ tài chính phù hợp với nhu cầu thị trường.

Thứ ba, đối với bản thân các doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Nâng cao khả năng đầu tư và tiếp cận vốn của DNNVV thì các doanh nghiệp cần phải nâng cao: trình độ quản lý, khả năng dự báo rủi ro, tuân thủ các quy định về minh bạch tài chính theo chuẩn mực.

- Chủ động thực hiện nghiên cứu đổi mới và sáng tạo.
- Chủ động tham gia các hiệp hội hỗ trợ DNNVV, tìm hiểu chính sách, chủ động thông tin của Chính phủ và địa phương

(Xem tiếp trang 63)

công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu đồng bộ về DNVVN, có khả năng lưu trữ dữ liệu đa chiều.

Về phía các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Hiện nay, các DNVVN thường khó tiếp cận được với quỹ BLTD của địa phương, thủ tục mất nhiều thời gian và phức tạp nhưng nhiều khi lý do lại từ phía doanh nghiệp, do doanh nghiệp chưa thực sự đủ điều kiện vay hoặc chưa đáp ứng được những yêu cầu của quỹ BLTD.

Thứ nhất, rút ngắn quá trình tiếp cận các quỹ BLTD của các DNVVN. Các DNVVN muốn vay vốn dài hạn hay ngắn hạn phải có phương án sản xuất kinh

doanh hoặc dự án đầu tư khả thi, cần tham khảo những tiêu chí của quỹ BLTD đưa ra để có phương hướng và lập kế hoạch tiếp cận nguồn vốn một cách đúng đắn và hiệu quả. Dù là DNVVN thì hàng năm cũng nên có báo cáo tài chính có sự kiểm toán của các công ty kiểm toán nhằm nâng cao mức xếp hạng tín dụng cho doanh nghiệp.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tín dụng được các quỹ BLTD bảo lãnh cho DNVVN: Đầu tiên cần phải xác định chính nhu cầu vốn của doanh nghiệp, tăng cường công tác quản lý các khoản phải thu, hạn chế tối đa lượng vốn bị

chiếm dụng, quản lý hàng tồn kho và giảm thiểu chi phí lưu kho. Tổ chức tốt việc tiêu thụ nhằm đẩy nhanh tốc độ luân chuyển vốn lưu động.

Tài liệu tham khảo:

Tạp chí Tài chính, Nghiên cứu tài chính kế toán

<http://www.moit.gov.vn>

<http://www.baohinhphu.vn>

Đặc điểm đầu tư các...

trên địa bàn hoạt động để đầu tư và tiếp cận tín dụng với chi phí hợp lý.

Tài liệu tham khảo:

Đặc điểm môi trường kinh doanh ở Việt Nam kết quả điều tra DNNVV năm 2013, NXBTC 2014.

Hội thảo, cung cấp dịch vụ tài chính toàn diện cho các DNNVV Việt Nam, Hiệp hội DNNVV Việt Nam, HN 8/2015.

Kỳ yếu hội thảo quốc tế cùng Doanh nghiệp vượt qua thử

thách - quản lý đổi mới và sáng tạo trong DNNVV, Trường ĐHBK HN năm 2014.

Kỳ yếu HTKH quản lý thuế đối với DNNVV ở VN, NXBTC, 2014.

Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đinh Thị Thanh Vân, Nguồn tài chính và tiếp cận vốn cho doanh nghiệp SEMs, ĐH kinh tế, ĐHQG Hà Nội, KYHTKH 8/2015.

(Tiếp theo trang 58)

Kết quả điều tra doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2013; CIEM, DoE, ILSSA và UNU-WIDER, 2014.

TS. Đinh Thị Thanh Vân, ĐHKT – ĐHQG HN, Hội thảo về cung cấp dịch vụ tài chính toàn diện cho DNNVV Việt Nam 8/2015.